

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832701] - Thực tập lò hơi
(CCQ2218A)

CBGD: Trần Xuân An (280029)

Số SV có mặt: 49
Số bài thi: ...49...
Số tờ giấy thi: 49

(Chữ ký)
(Chữ ký)
(Chữ ký)
(Chữ ký)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180068	Nguyễn Thái Bảo	26/02/2004	CCQ2218B					
2	2122180006	Cao Ngọc Cường	21/04/2003	CCQ2218A		Cường	9,0	9,0	9,0
3	2122180027	Nguyễn Ngọc Đại	02/07/2004	CCQ2218A					
4	2122180057	Võ Trương Đông	01/01/2004	CCQ2218B		Đông	10	7,5	8,5
5	2122180051	Nguyễn Tùng Dương	20/11/2004	CCQ2218B		Dương	9	8,0	8,4
6	2122180047	Phan Phú Gia	26/12/2002	CCQ2218B		Gia	10	8,5	9,1
7	2122180052	Trần Văn Giang	08/03/2004	CCQ2218B		Giang	10	8,5	9,1
8	2122180021	Lê Hoàng Phúc Hậu	19/03/2004	CCQ2218A		Hậu	8	6,5	7,1
9	2122180008	Nguyễn Xuân Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A		Hiệp	10	7,0	8,2
10	2122180016	Huỳnh Bảo Hưng	17/09/2004	CCQ2218A		Hưng	9,0	8,5	8,7
11	2122180065	Nguyễn Nhất Huy	26/11/2003	CCQ2218B		Huy	8	9	8,6
12	2122180020	Nguyễn Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A		Huỳnh	8	8,5	8,3
13	2122180034	Nguyễn Thái Khênh	29/08/2003	CCQ2218A		Khênh	9	9,0	9,0
14	2122180041	Nguyễn Hoàng Khôi	08/03/2004	CCQ2218B		Khôi	8,0	8,0	8,0
15	2122180062	Nguyễn Hữu Kiên	09/11/2003	CCQ2218B		Kiên	9	7,5	8,1
16	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B		Kiệt	9,0	9,0	9,0
17	2122180012	Phạm Minh Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A		Kiệt	10	8,5	9,1
18	2122180060	Trần Quốc Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B		Kiệt	8	8,0	8,0
19	2122180004	Nguyễn Khánh Linh	03/07/2004	CCQ2218A		Linh	10	8,0	8,8
20	2122180007	Đinh Nguyễn Thành Long	10/11/2004	CCQ2218A					
21	2122180002	Nguyễn Phương Nam	18/06/2003	CCQ2218A		Nam	10	9	9,4
22	2122180054	Trần Văn Nam	03/08/2004	CCQ2218B		Nam	10	8	8,8
23	2122180053	Nguyễn Tấn Nghia	18/12/2003	CCQ2218B		Nghia	9	8	8,4
24	2122180013	Nguyễn Văn Nghia	27/05/2004	CCQ2218A		Nghia	7	6,5	6,7
25	2122180043	Văn Thanh Nhật	24/01/2004	CCQ2218B		Nguy	8,0	8,0	8,0
26	2122180037	Phạm Văn Nhom	05/11/2004	CCQ2218B		Nhom	10	8,5	9,1
27	2122180025	Nguyễn Trung Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A		Nhuân	10	9,0	9,4
28	2122180003	Nguyễn Minh Nhựt	28/10/2004	CCQ2218A		Nhựt	9,0	8,0	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832701] - Thực tập lò hơi
(CCQ2218A)

CBGD: Trần Xuân An (280029)

Số SV có mặt: 49
Số bài thi: 49
Số tờ giấy thi: 49

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A		Phát	9	8,5	8,7
30	2122180032	Thái Đức	Phong	09/04/2004	CCQ2218A		Phong	8,0	8,0	8,0
31	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	CCQ2218A		Phong	10	9,0	9,4
32	2122180044	Huỳnh Nhật	Quang	10/08/2004	CCQ2218B		Quang	10	9	9,4
33	2122180009	Phạm Tấn	Sinh	15/07/2004	CCQ2218A		Sinh	10	8,5	9,1
34	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật	Tân	15/10/2000	CCQ2218A		Tân	9	8,0	8,4
35	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A		Thế	9,0	9,0	9,0
36	2122180066	Trương Văn	Thế	27/01/2004	CCQ2218B		Thế	7,5	7,0	7,2
37	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B		Thiên	8,0	8	8,0
38	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B		Thiện	9	8	8,4
39	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B		Thiệt	9,5	7	8,0
40	2122180056	Nguyễn Văn	Tiến	06/09/2003	CCQ2218B					
41	2122180035	Phạm Đình	Tiến	30/03/2004	CCQ2218B		Tiến	10	9,0	9,4
42	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B		Tiến	7,5	7	7,2
43	2122180049	Lê Văn	Tính	29/12/2004	CCQ2218B		Tính	9	8	8,4
44	2122180063	Trần Quốc	Tính	17/08/2004	CCQ2218B		Tính	8	9	8,6
45	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A		Toàn	9	8,0	8,4
46	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B		Trung	10	8,0	8,8
47	2122180038	Nguyễn Đình	Trường	01/10/2004	CCQ2218B		Trường	7,5	7,0	7,2
48	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A		Truyền	9	7	7,8
49	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A		Tú	10	9	9,4
50	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B		Tuấn	8	7,5	7,7
51	2122180017	Nguyễn Ngọc	Tường	11/09/2004	CCQ2218A					
52	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A		Văn	10	9,0	9,4
53	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A		Vạn	10	7,0	8,2
54	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B		Vương	10	8,5	9,1